CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đệ Tam

Ngày 30/09/2025	4,740 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.2%	**0.9%**	**-6.1%**

DT thuần
Q3/25
31.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.9| -32.3%
YoY: ▼15.8| -33.6%

LN thuần
Q3/25
0.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.01| 2521%
YoY: ▲ 0.84| 645%

LN sau thuế
Q3/25
0.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.59| 196%
YoY: ▲ 0.32| 55.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
11.4%
YoY: +/-▲ 5.2%

ROE (TTM)
Q3/25
0.7%
YoY: +/-▲ 0.2%

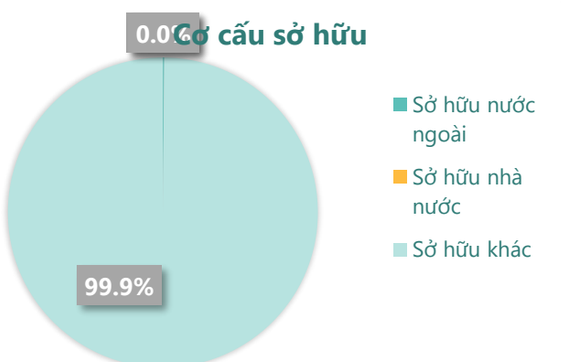
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,250 - 5,660
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
Số lượng CPLH (CP)	18,059,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	66,495
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.83
EPS	82
P/E	57.8

DT thuần
9T 2025
107
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.0| -8.8%

LN thuần
9T 2025
0.16
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.47| -75.3%

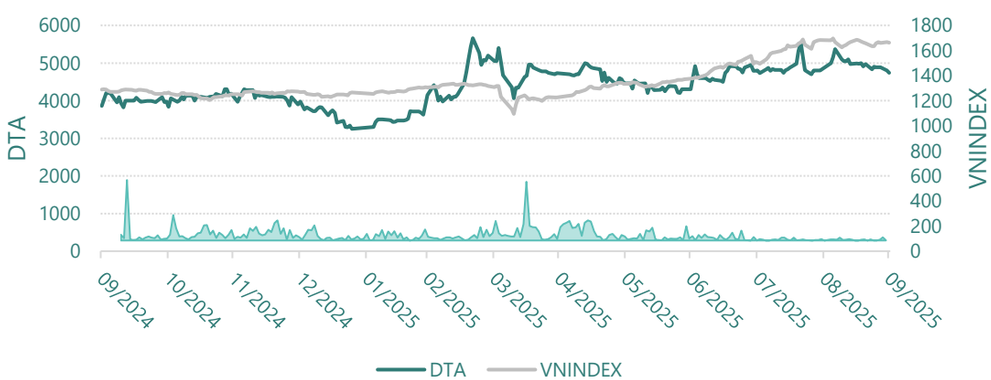
LN sau thuế
9T 2025
1.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.30| -18.9%

Cơ cấu sở hữu

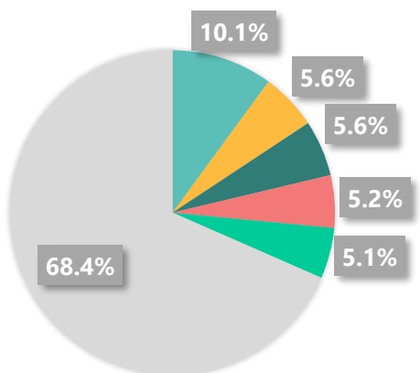


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



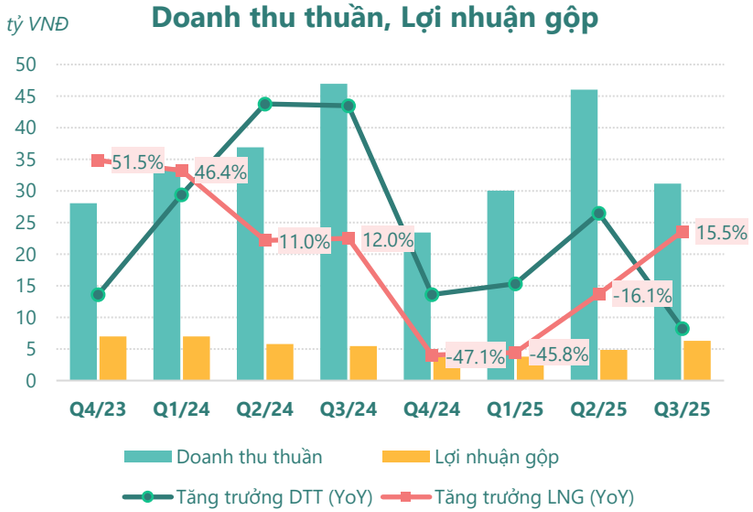
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

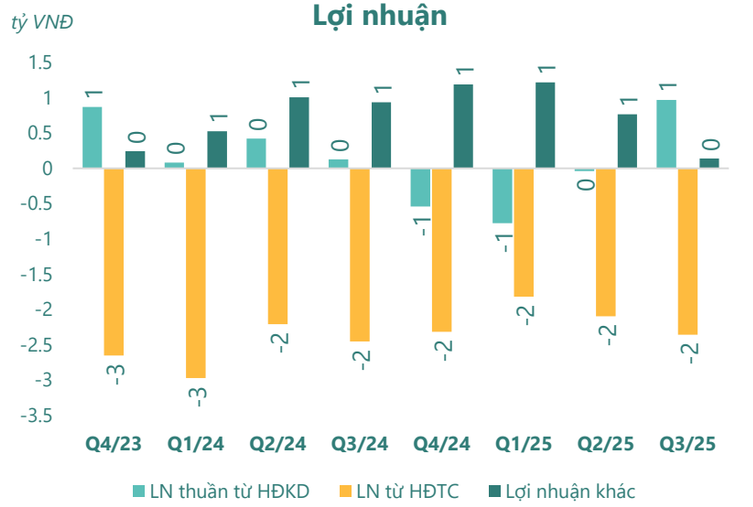
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



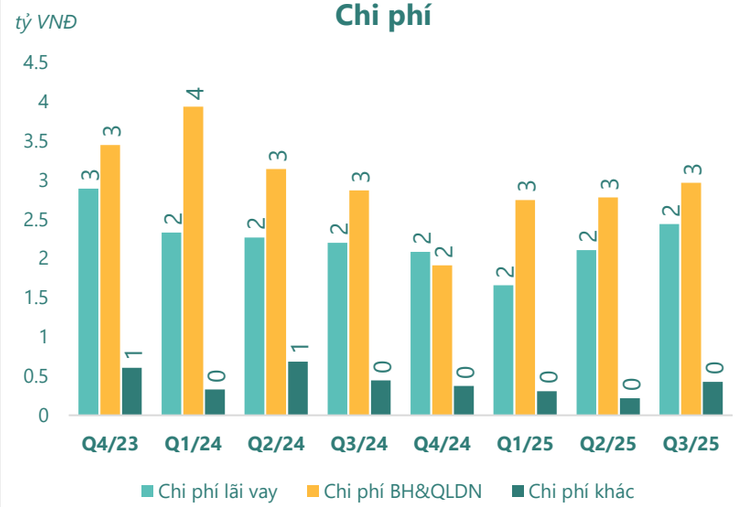
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



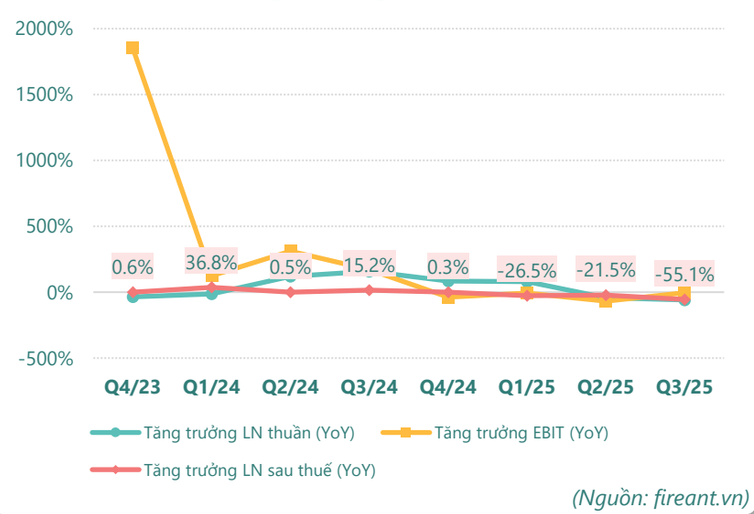
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



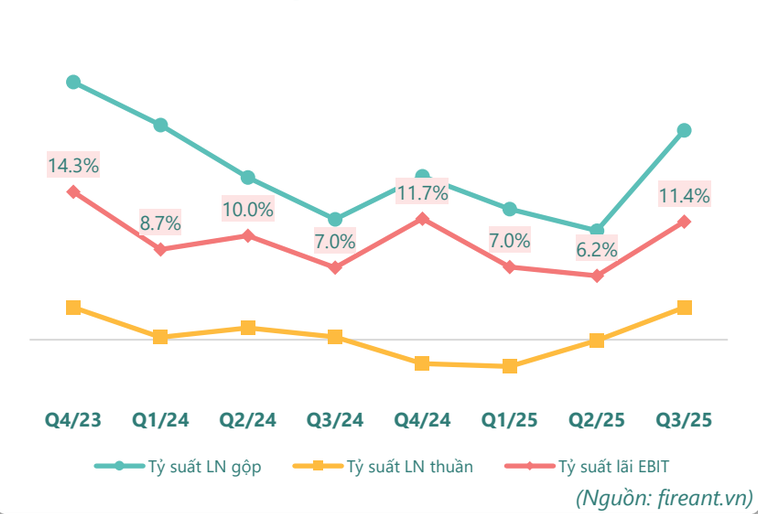
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



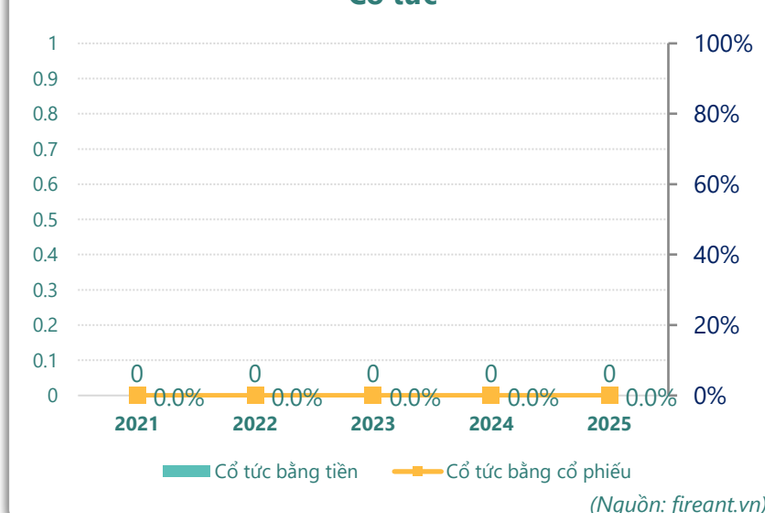
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

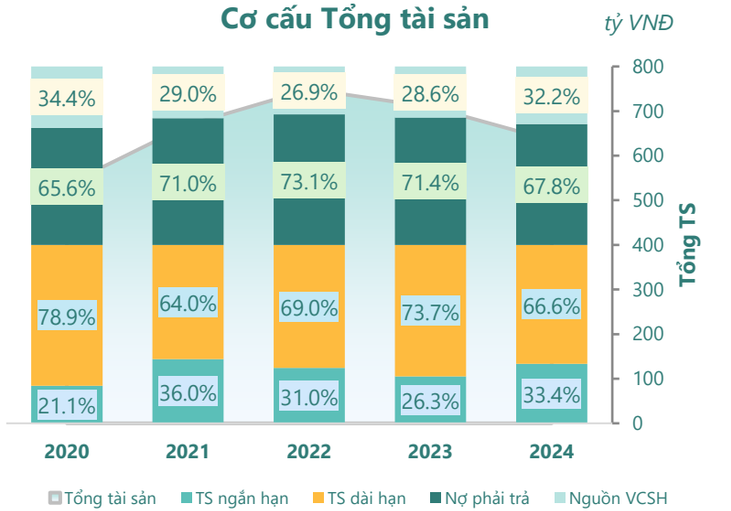
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

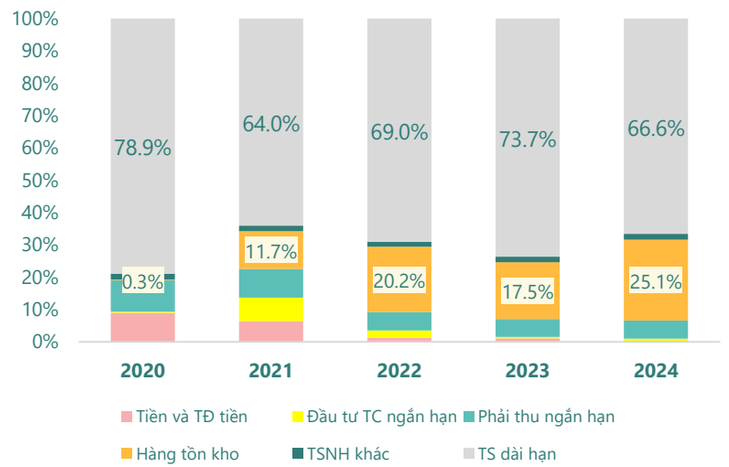
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



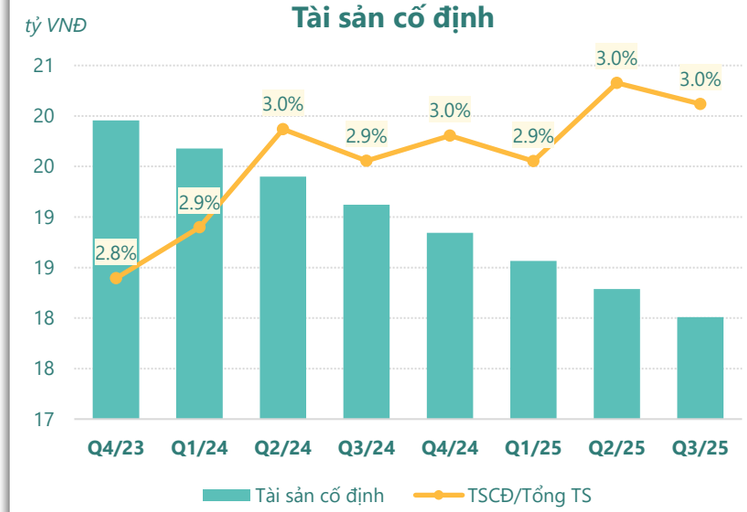
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



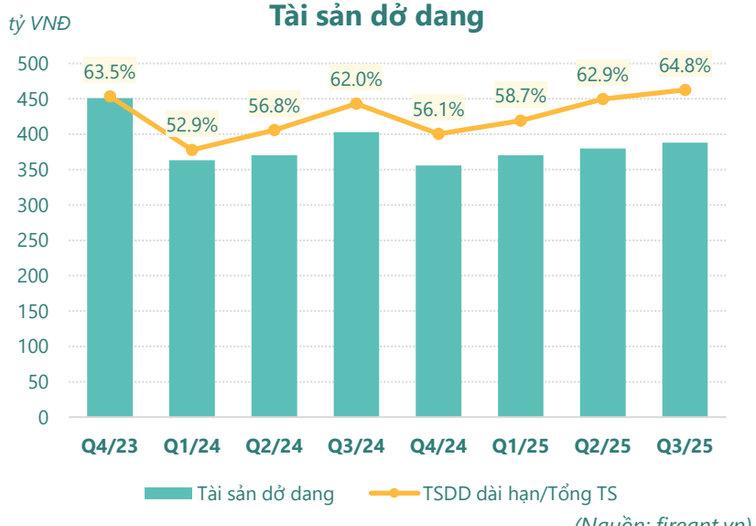
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



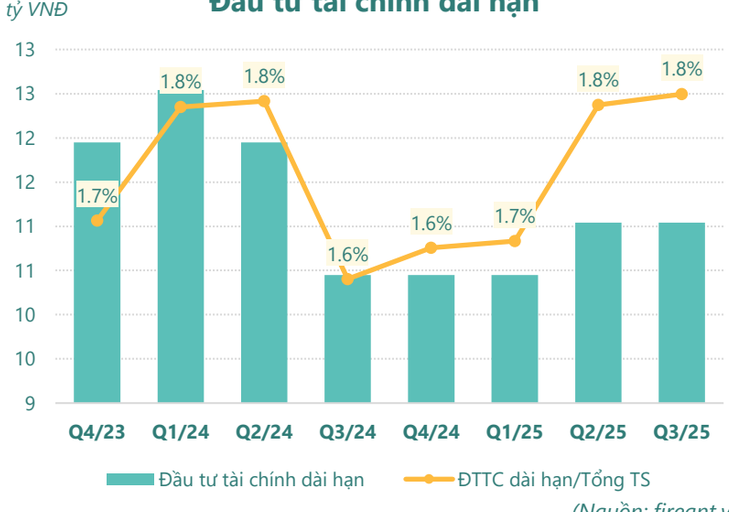
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



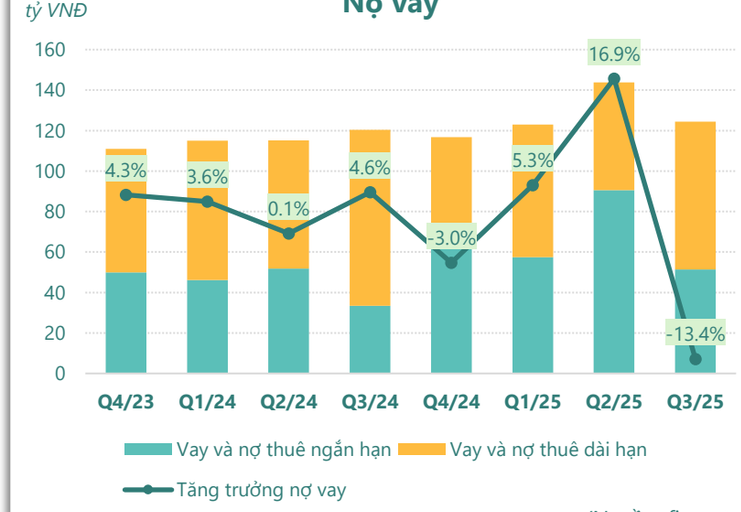
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

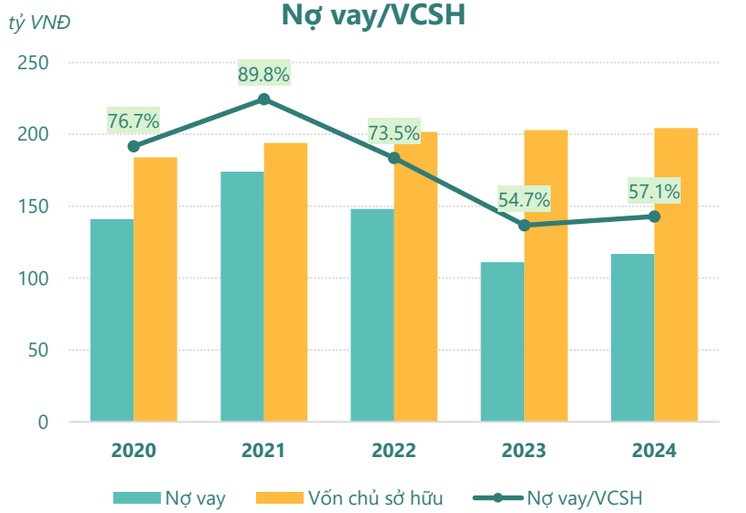
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



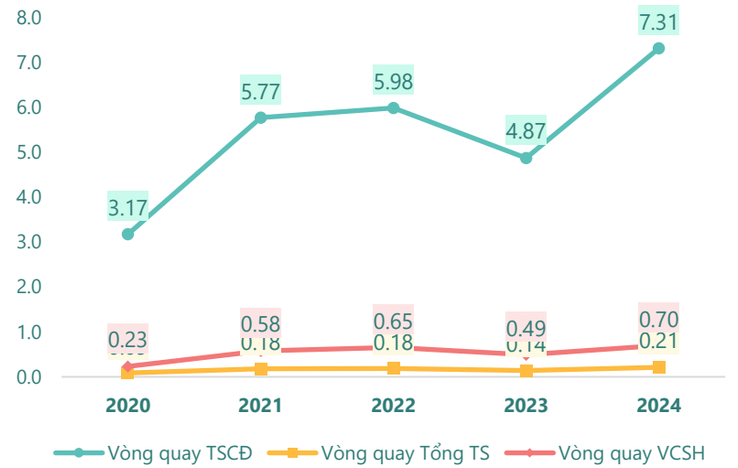
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



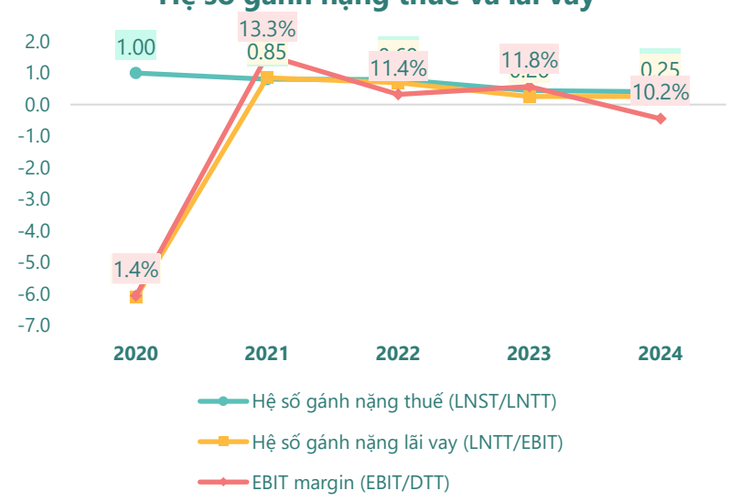
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



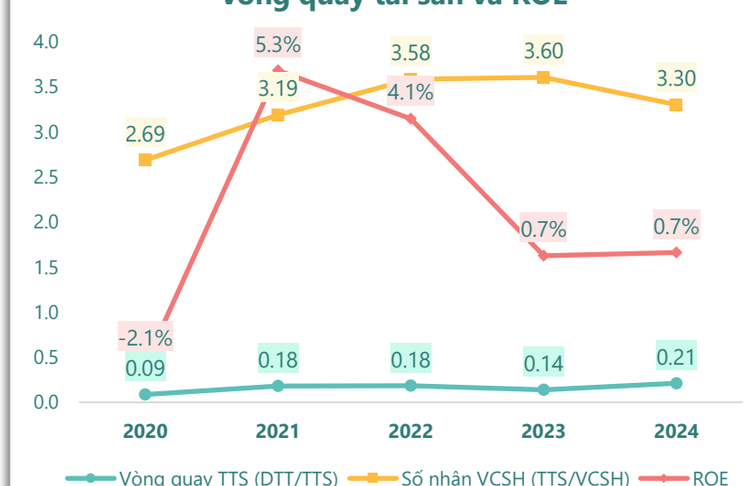
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



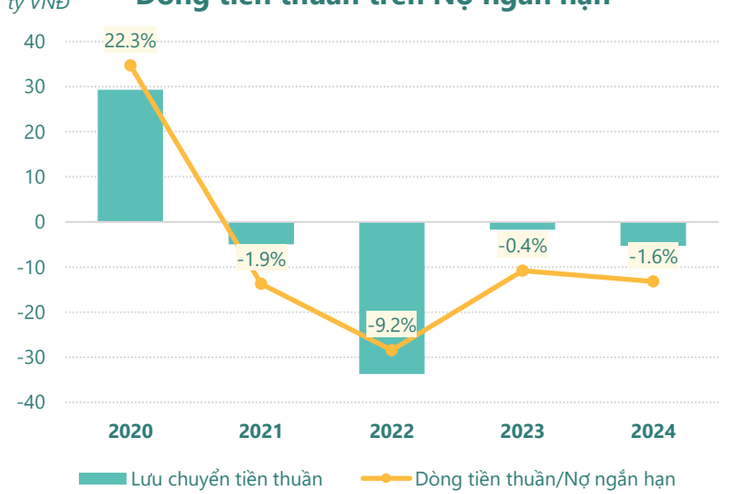
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**31.1**	**46.9**	**-33.6%**	**107**	**118**	**-8.8%**
Giá vốn hàng bán	24.9	41.5	-40.1%	92.3	99.4	-7.1%
Lợi nhuận gộp	6.29	5.45	15.4%	14.9	18.2	-18.1%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.11	-25.1%	0.25	0.32	-22.7%
Chi phí TC	2.44	2.56	-4.7%	6.52	7.95	-18.0%
Chi phí lãi vay	2.44	2.20	10.9%	6.21	6.80	-8.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.96	0.61	56.6%	2.89	2.54	13.5%
Chi phí QLDN	**2.01**	**2.26**	**-11.0%**	**5.61**	**7.40**	**-24.3%**
LN thuần từ HĐKD	0.97	0.13	645%	0.16	0.63	-75.3%
Lợi nhuận khác	**0.14**	**0.94**	**-84.9%**	**2.13**	**2.47**	**-13.8%**
LN trước thuế	1.11	1.06	4.7%	2.29	3.10	-26.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.89**	**0.57**	**55.8%**	**1.28**	**1.58**	**-18.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.89**	**0.57**	**55.8%**	**1.28**	**1.58**	**-18.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.03	-30.2	2.02	-16.2	-3.23	18.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	1.50	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.15	30.3	-3.81	17.4	6.33	-21.6
Tiền đầu kỳ	1.14	1.27	2.87	1.08	2.32	5.42
Lưu chuyển tiền thuần	**0.12**	**1.60**	**-1.79**	**1.24**	**3.10**	**-3.56**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.27	2.87	1.08	2.32	5.42	7.41

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**599**	**634**	**-5.6%**
Tài sản ngắn hạn	140	212	-34.0%
Tiền và tương đương tiền	7.41	2.29	224%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.34	3.93	-15.0%
Phải thu ngắn hạn	34.9	35.4	-1.6%
Hàng tồn kho	81.3	159	-48.9%
Tài sản ngắn hạn khác	12.9	11.2	14.9%
Tài sản dài hạn	**459**	**423**	**8.7%**
Phải thu dài hạn	24.1	22.9	5.4%
Tài sản cố định	18.0	18.8	-4.4%
Bất động sản đầu tư	16.6	17.0	-2.3%
Tài sản dở dang	388	352	10.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	10.5	5.6%
Tài sản dài hạn khác	**1.45**	**1.31**	**10.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	393	430	-8.5%
Nợ ngắn hạn	**273**	**328**	**-16.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.4	62.5	-17.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.7	30.7	23.1%
Nợ dài hạn	121	102	18.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	73.1	54.3	34.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**206**	**204**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**206**	**204**	**0.6%**
Vốn điều lệ	181	181	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)